

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT
NĂM 2018

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
1	NGUYỄN TUẤN	39.01.07	15/07/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	18.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
2	VŨ TUẤN	39.01.09	09/11/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	14.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
3	ĐÀO TRỌNG	39.01.10	19/03/2001	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	12.00	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
4	ĐẶNG THIÊN	39.01.05	05/01/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	19.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
5	NGUYỄN HOÀNG	39.01.04	01/07/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	27.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
6	VŨ VĂN	39.01.08	01/04/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	15.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
7	ĐOÀN NGỌC	39.01.06	04/05/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	24.50	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
8	BÙI TRẦN	39.01.03	22/11/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Toán	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
9	BÙI QUANG	39.02.04	07/11/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	23.15	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
10	LÊ HOÀI	39.02.01	11/01/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Vật lí	21.60	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
11	NGUYỄN VINH	39.02.07	04/01/2001	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	22.20	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT
NĂM 2018

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
12	HỒ ANH TÙNG	39.02.10	21/01/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	23.15	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
13	NGUYỄN KIẾN ANH	39.02.02	24/03/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	25.30	Nhi	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	TRẦN NHẬT QUANG	39.02.08	10/02/2001	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	18.20	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
15	BÙI THỊ THU TRANG	39.02.09	05/11/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Vật lí	19.45	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
16	ĐẶNG NHẬT MINH	39.02.05	11/03/2001	Kinh	Nam Định	Nam	Vật lí	23.65	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
17	TRẦN HIỆP QUỐC	39.03.08	19/10/2001	Kinh	Nam Định	Nam	Hóa học	25.30	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
18	PHẠM HOÀNG ĐỨC MẠNH	39.03.07	29/11/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Hóa học	30.75	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
19	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	39.03.01	10/06/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Hóa học	30.45	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
20	NGUYỄN KHÁNH HUỖN	39.03.05	25/03/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Hóa học	28.35	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
21	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	39.03.02	06/11/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Hóa học	28.55	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
22	TRẦN VÂN ANH	39.03.03	07/11/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Hóa học	32.80	Nhi	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT
NĂM 2018

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
23	LÊ HUYNH TIẾN	39.03.09	10/04/2000	Kinh	Hungary	Nam	Hóa học	27.45	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
24	HOÀNG THANH TÙNG	39.03.10	29/08/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Hóa học	37.25	Nhất	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
25	TRẦN VINH HÀ	39.04.03	30/06/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Sinh học	25.08	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
26	VŨ ĐỨC THẮNG	39.04.06	25/08/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Sinh học	23.35	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
27	NGUYỄN TRƯỜNG AN	39.04.01	15/03/2001	Kinh	Nam Định	Nam	Sinh học	24.13	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
28	HÀ ĐỨC TUẤN	39.05.06	20/02/2001	Kinh	Hà Nam	Nam	Tin học	27.45	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
29	NGUYỄN VĂN TRUNG	39.05.05	28/02/2001	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	25.80	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
30	PHẠM TUẤN NGHĨA	39.05.04	22/11/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	35.30	Nhất	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
31	HOÀNG QUỐC VIỆT	39.05.07	14/01/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	21.55	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
32	ĐINH VIỆT ANH	39.05.01	05/06/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	20.20	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
33	VŨ HOÀI NAM	39.05.03	19/07/2001	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	23.30	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT
NĂM 2018

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
34	ĐỖ QUANG ĐIỆN	39.05.02	01/05/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	31.85	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
35	TRẦN QUỐC VIỆT	39.05.08	08/01/2001	Kinh	Nam Định	Nam	Tin học	25.50	Nhì	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
36	TRẦN PHƯƠNG THẢO	39.06.06	12/02/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	15.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
37	TRẦN MAI HUONG	39.06.03	06/07/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	16.50	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
38	TÔ KIỂU OANH	39.06.05	24/07/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
39	BÙI THU HÀ	39.06.02	01/01/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	14.50	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
40	HOÀNG THỊ NGỌC ANH	39.06.01	10/11/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
41	TRỊNH THỊ THU	39.06.07	02/01/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	18.00	Nhất	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
42	BÙI THỊ KIM NGÂN	39.06.04	29/10/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	13.00	K.khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
43	PHẠM THỊ THUẦN	39.06.08	26/09/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Ngữ văn	14.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
44	TRẦN PHƯƠNG ANH	39.07.01	22/07/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	15.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT
NĂM 2018

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
45	HOÀNG THỊ HIỀN	39.07.02	29/12/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	15.50	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
46	ĐINH THỊ HOA HỒNG	39.07.03	08/02/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	15.25	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
47	TRẦN THỊ LAM	39.07.04	25/08/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
48	TRẦN THÙY LINH	39.07.05	04/11/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	15.75	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
49	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	39.07.06	14/10/2001	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	14.50	Ba	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
50	TRẦN THỊ THOM	39.07.07	01/11/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	14.00	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
51	ĐỖ THỊ THU	39.07.08	17/12/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Lịch sử	15.00	Ba	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
52	TRẦN THỊ MINH HẠNH	39.08.02	29/11/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	18.25	Nhất	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
53	TRẦN THỊ THU HIỀN	39.08.03	10/10/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	17.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
54	PHẠM QUANG HIỆP	39.08.04	17/09/2000	Kinh	Nam Định	Nam	Địa lí	16.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
55	HOÀNG THỊ HUONG	39.08.05	18/02/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	18.00	Nhì	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT
NĂM 2018

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi sinh	Nam Nữ	Môn thi	Điểm	Giải	Lớp	Trường (THPT)
56	VŨ MINH NGUYỆT	39.08.06	04/08/2001	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	13.75	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong
57	ĐỖ THỊ THẮM	39.08.07	24/02/2000	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	13.50	K.Khích	12	THPT chuyên Lê Hồng Phong
58	PHẠM THANH VÂN	39.08.10	18/07/2001	Kinh	Nam Định	Nữ	Địa lí	13.25	K.Khích	11	THPT chuyên Lê Hồng Phong

Danh sách này gồm 58 thí sinh

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2018

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Mai Văn Trinh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT
NĂM 2018

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng điểm	Giải	Trường (THPT)
1	BÙI ANH THỤ	39.09.06	25/03/2000	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3	4.90	4.50	1.50	13.90	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong
2	NGUYỄN THẢO ANH	39.09.02	14/05/2000	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	3.40	5.50	4.70	1.60	15.20	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
3	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	39.09.03	01/01/2000	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	2.90	4.40	4.60	1.35	13.25	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
4	NGUYỄN THỊ HUỖN TRẠNG	39.09.07	10/12/2001	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	2.90	4.60	4.60	1.65	13.75	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
5	PHẠM THU PHƯƠNG	39.09.05	26/01/2000	Kinh	Nữ	Tiếng Anh	2.90	4.60	4.60	1.30	13.40	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
6	NGUYỄN HỮU VƯƠNG	39.09.08	29/09/2000	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.40	5.80	4.90	1.40	15.50	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
7	BÙI TUẤN PHONG	39.09.04	19/07/2000	Kinh	Nam	Tiếng Anh	3.20	4.40	4.70	1.35	13.65	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
8	BÙI VƯƠNG ANH	39.10.01	27/06/2000	Kinh	Nam	Tiếng Nga	4.65	1.55	7.10	1.15	14.45	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong
9	TRẦN MINH LONG	39.10.03	19/01/2001	Kinh	Nam	Tiếng Nga	4.64	1.52	7.64	1.25	15.05	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong
10	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	39.10.04	18/12/2000	Kinh	Nữ	Tiếng Nga	4.80	1.78	8.62	1.25	16.45	Nhì	THPT chuyên Lê Hồng Phong
11	TRẦN LINH CHI	39.11.01	11/10/2000	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	6.90	3.75	3.80	1.33	15.78	K.Khích	THPT chuyên Lê Hồng Phong

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI
TRONG KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA THPT
NĂM 2018

39-TỈNH NAM ĐỊNH

Số TT	Họ và tên thí sinh	Số báo danh	Ngày sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Môn thi	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm nói	Tổng điểm	Giải	Trường (THPT)
12	NGUYỄN THU HIỀN	39.11.02	19/11/2001	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	7.45	4	3.60	1.40	16.45	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong
13	TRẦN HOÀNG NGÂN	39.11.03	27/06/2001	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	7.10	4	3.55	1.20	15.85	K.Khích Phong	THPT chuyên Lê Hồng Phong
14	VŨ PHƯƠNG NHI	39.11.04	15/12/2001	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	6.55	4	4	1.55	16.10	K.Khích Phong	THPT chuyên Lê Hồng Phong
15	PHAN THỊ THU THẢO	39.11.05	01/11/2000	Kinh	Nữ	Tiếng Pháp	7.40	4	3.80	1.40	16.60	Ba	THPT chuyên Lê Hồng Phong

Danh sách này gồm 15 thí sinh

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2018
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI



Mai Văn Trinh